



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy điện Xuân Minh

Ngày 30/09/2025	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	0.7%	4.7%

DT thuần Q3/25
15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00 -34.8%
YoY: ▲ 1.00 7.1%

LN thuần Q3/25
2.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.78 -74.1%
YoY: ▲ 1.28 89.0%

LN sau thuế Q3/25
2.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.89 -71.5%
YoY: ▲ 1.27 86.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
42.9%
YoY: +/-▼ 19.9%

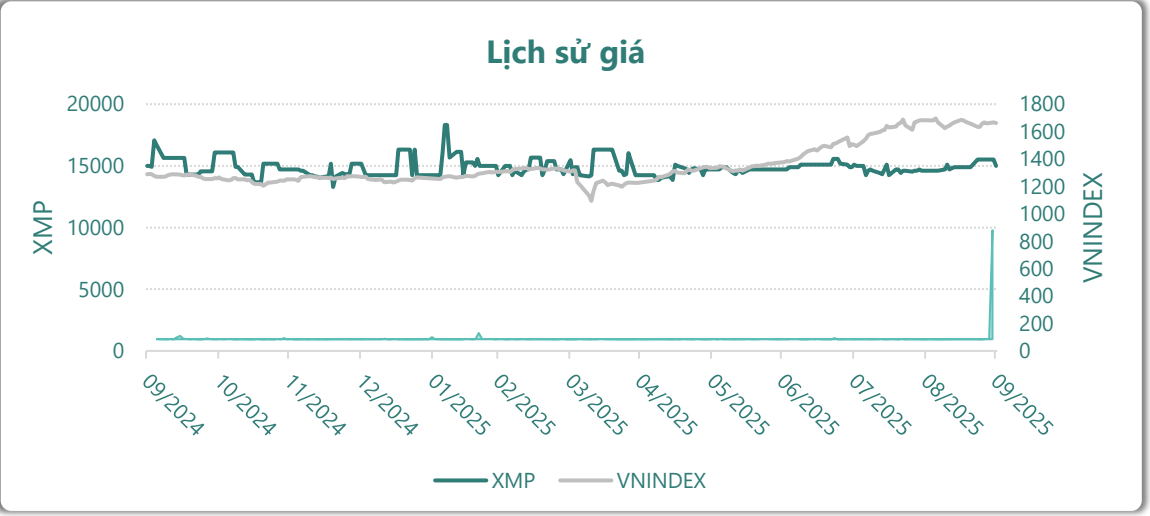
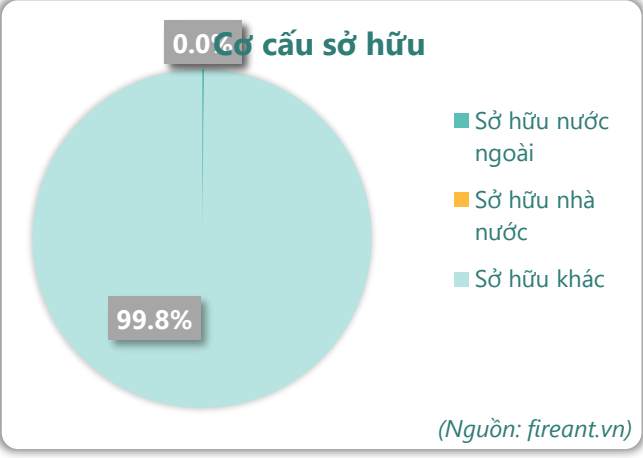
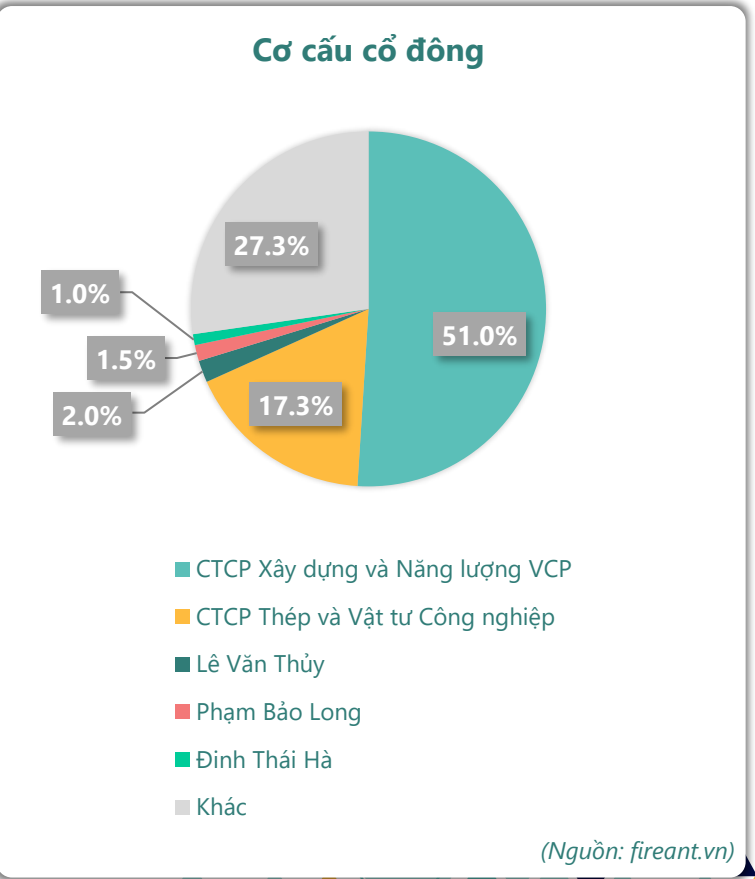
ROE (TTM) Q3/25
15.0%
YoY: +/-▲ 1.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,287 - 18,317
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,395
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.61
EPS	1,796
P/E	8.4

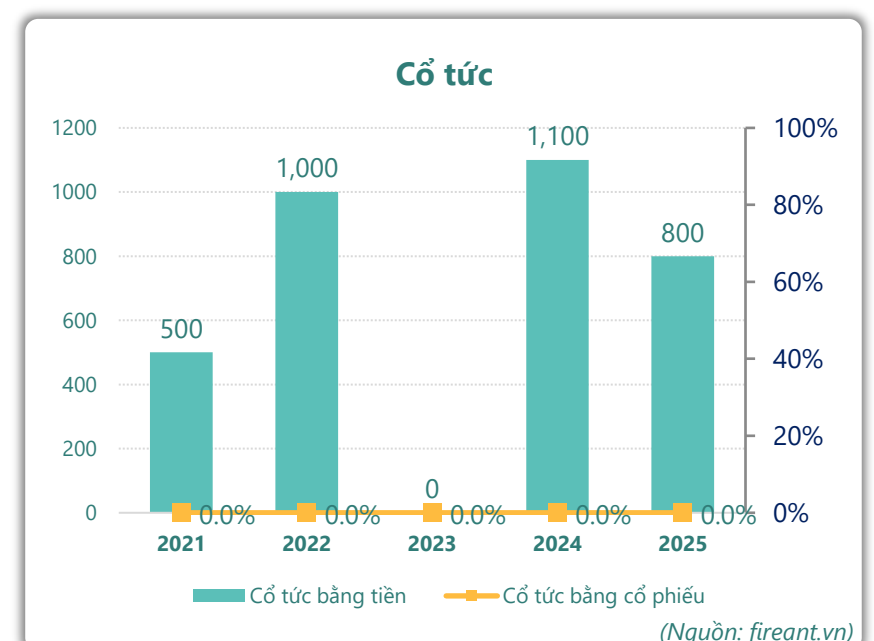
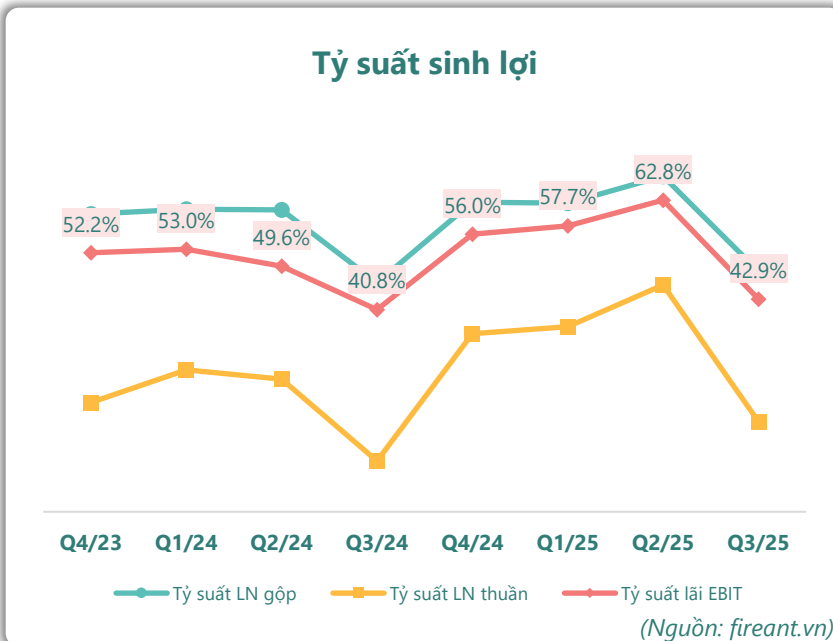
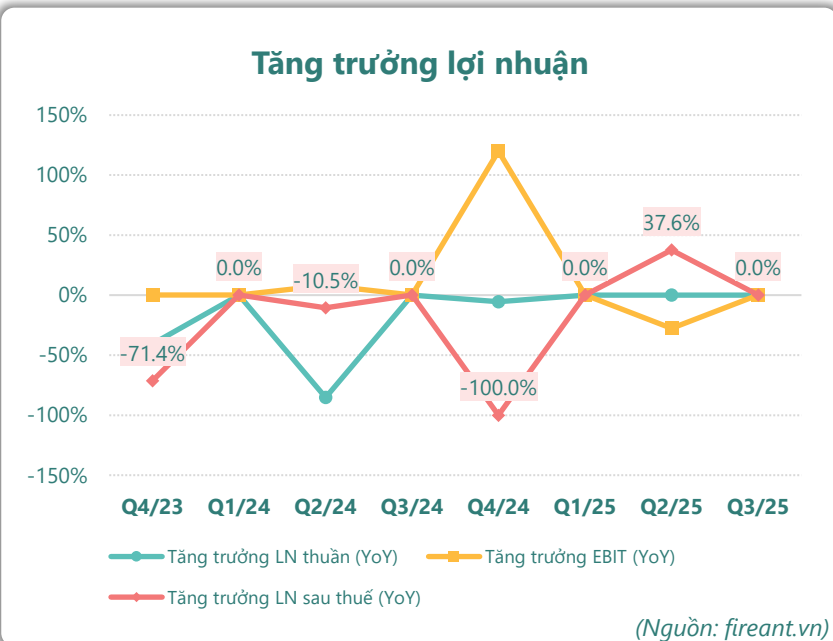
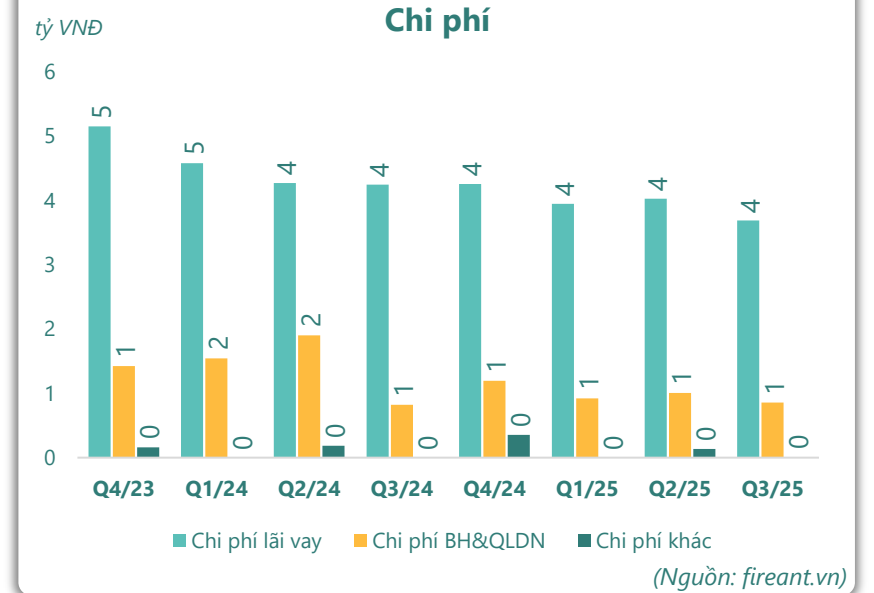
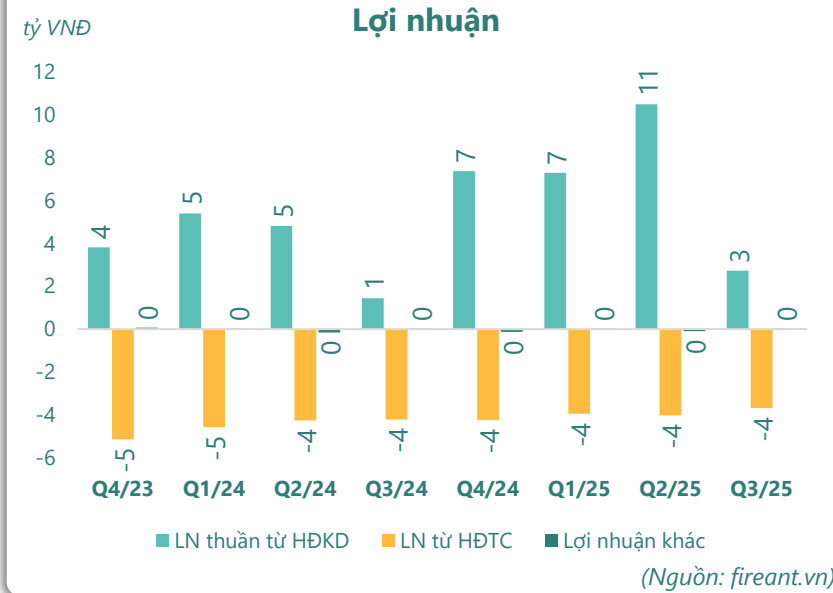
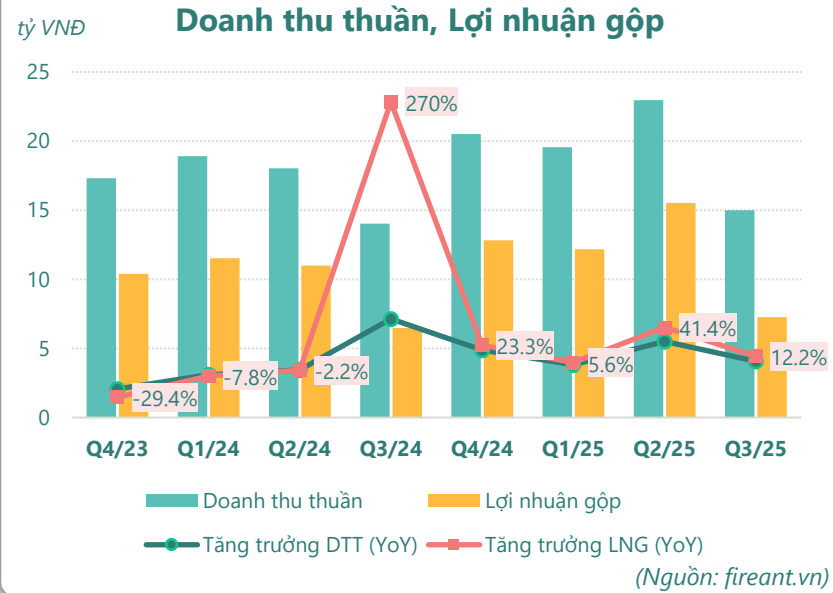
DT thuần 9T 2025
57.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.50 12.8%

LN thuần 9T 2025
20.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.80 75.9%

LN sau thuế 9T 2025
19.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.70 78.9%



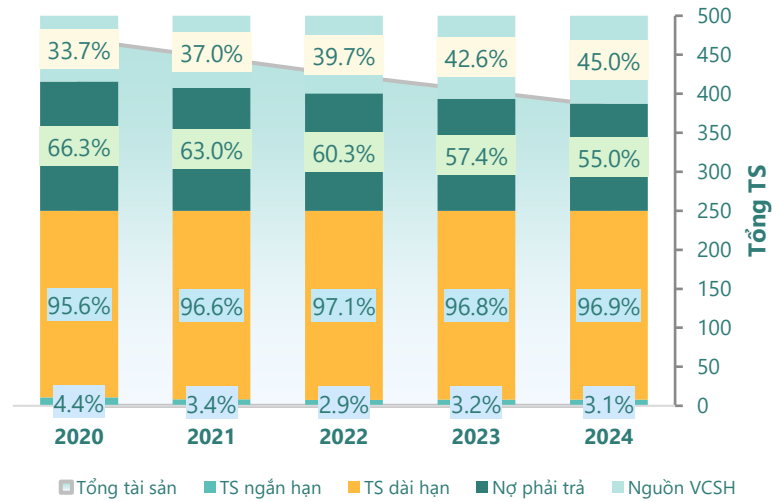
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

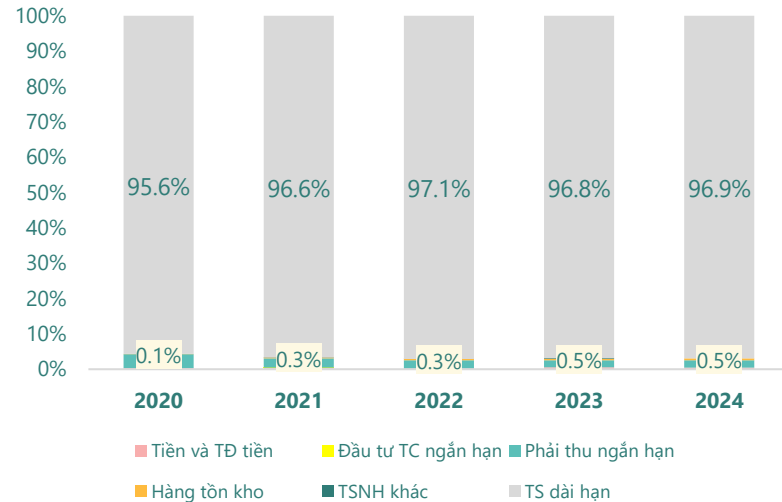
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

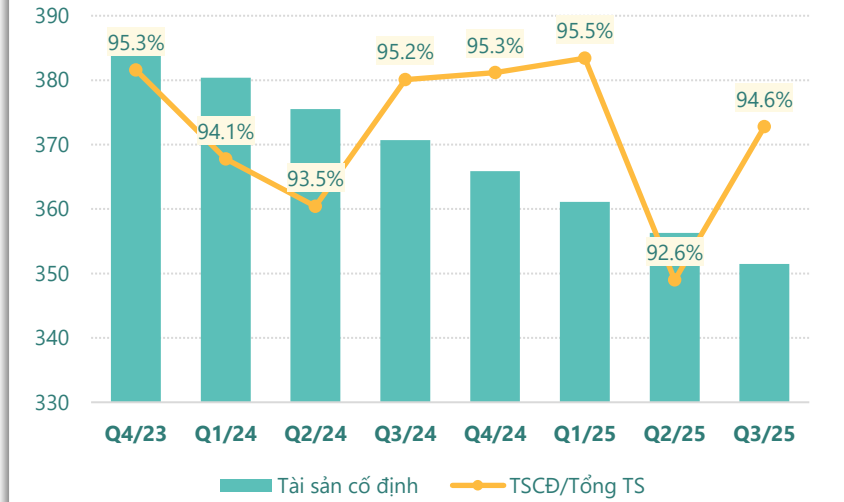
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

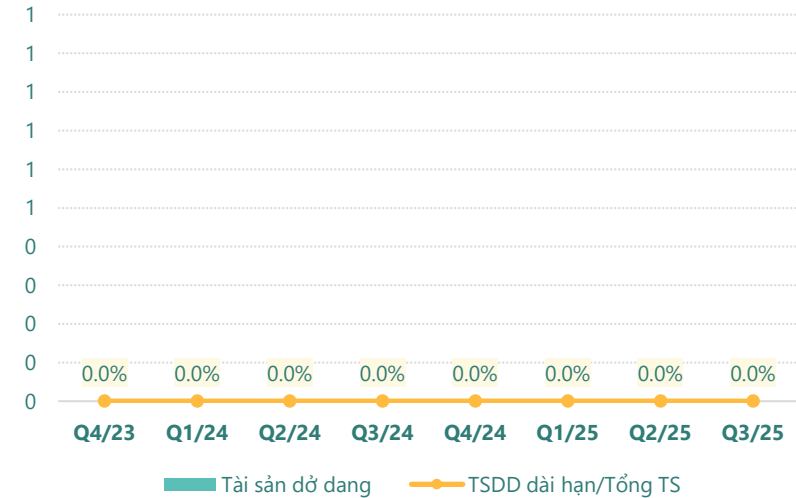
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

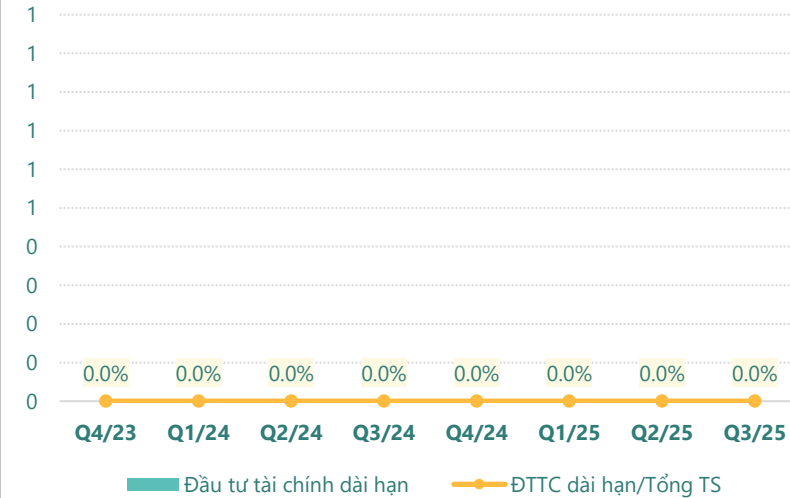
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

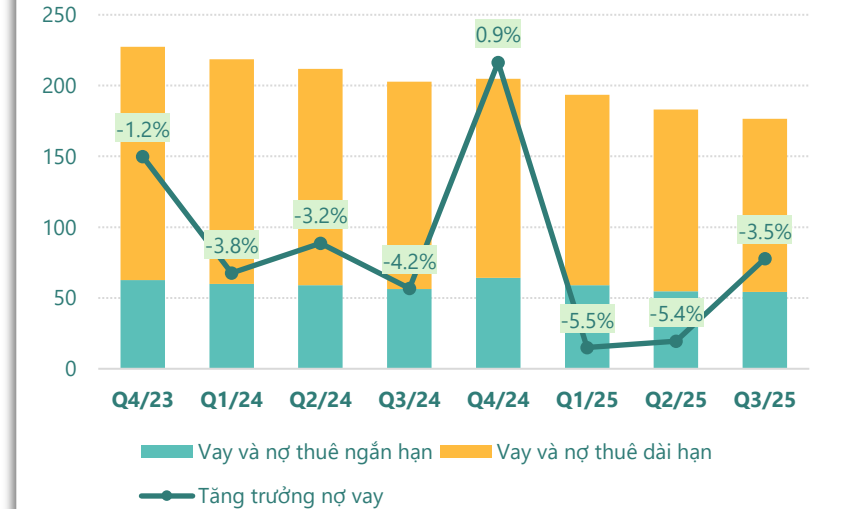
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

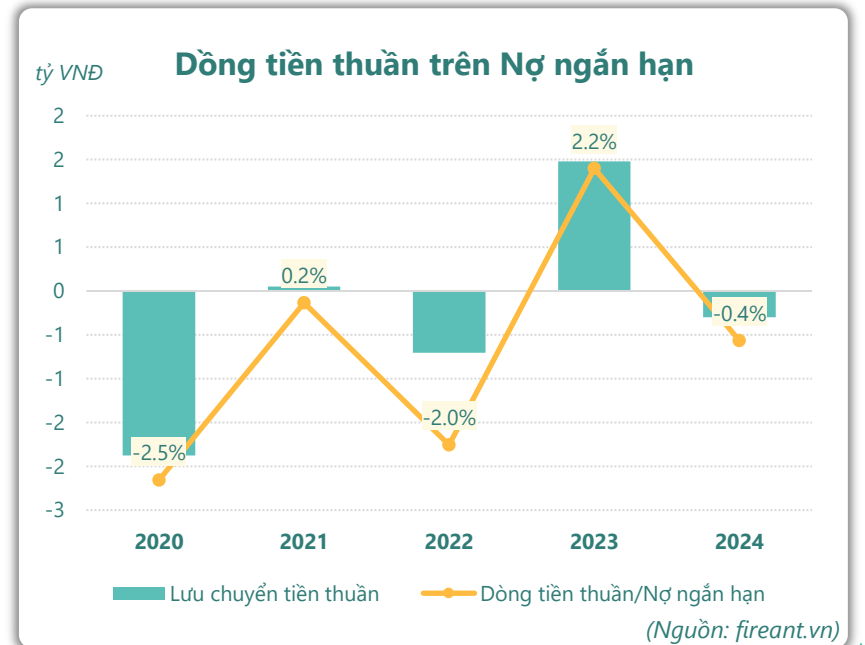
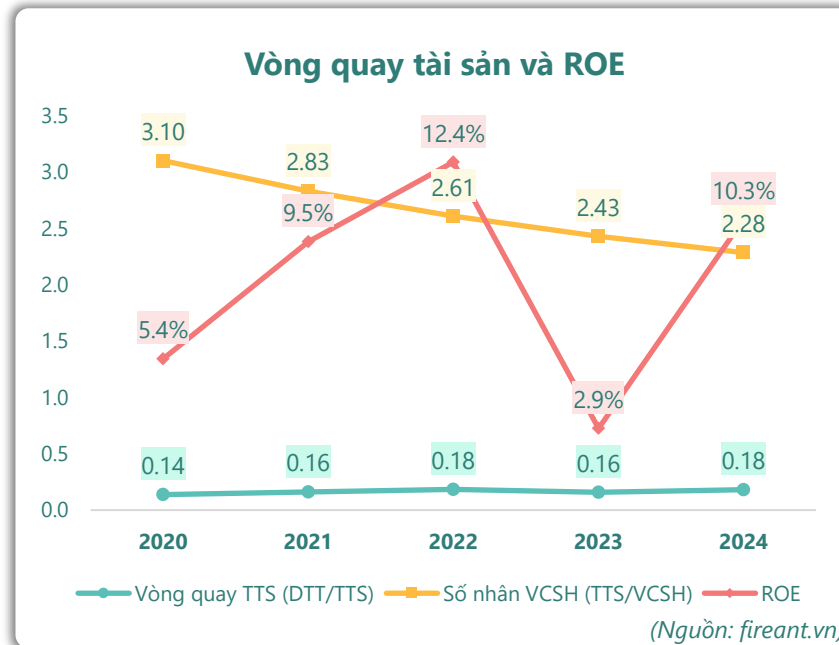
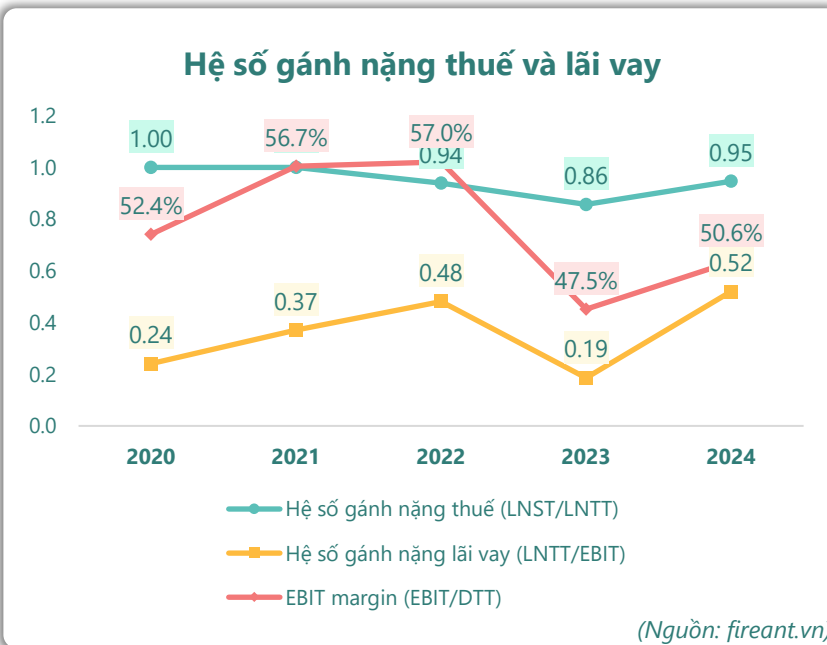
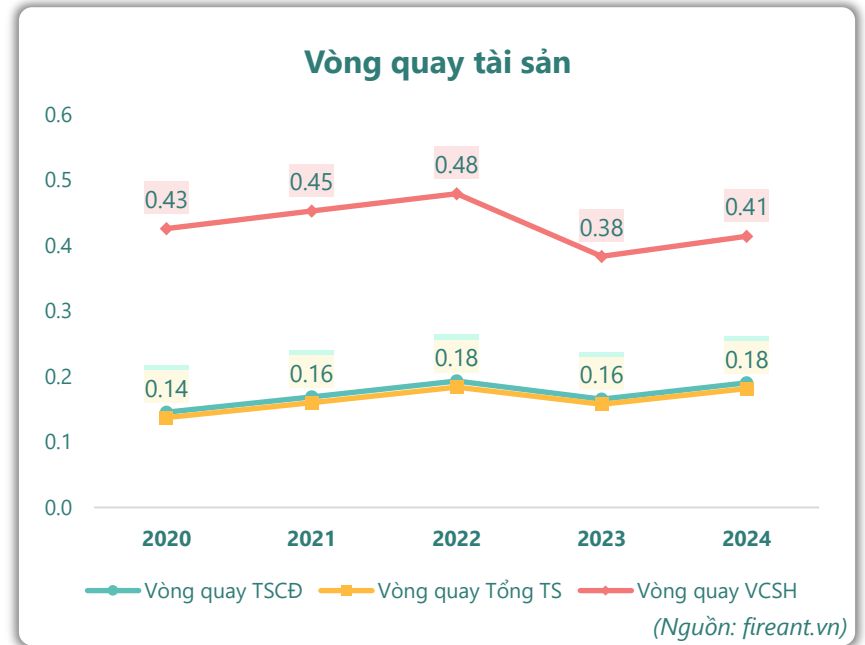
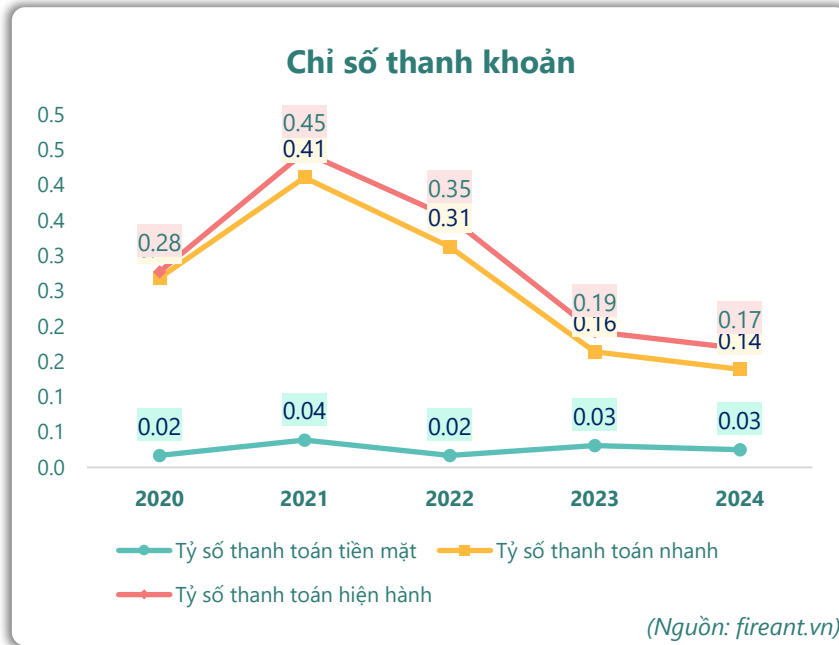
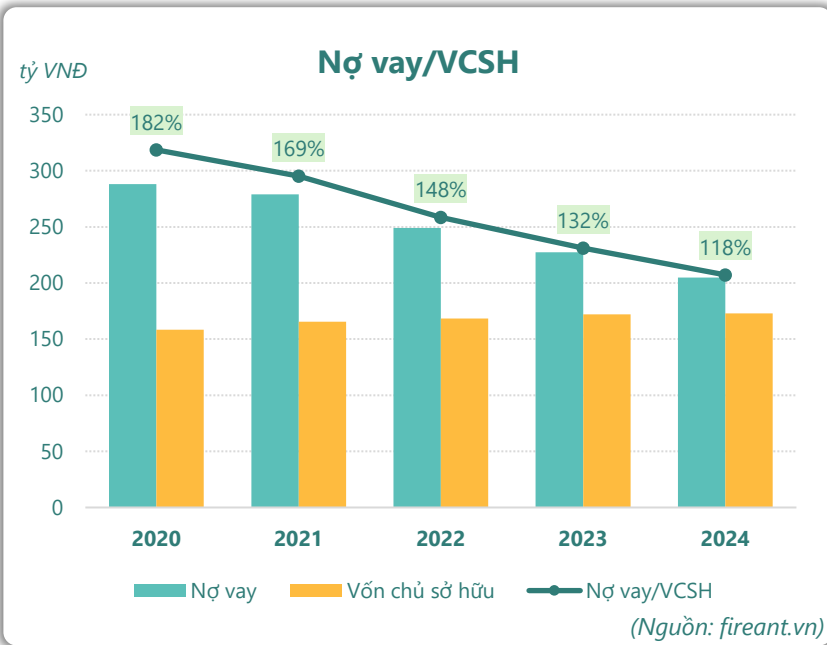
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	15.0	14.0	7.1%	57.5	51.0	12.8%
Giá vốn hàng bán	7.73	7.55	2.4%	22.5	22.0	2.5%
Lợi nhuận gộp	7.27	6.48	12.2%	35.0	29.0	20.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.03	-98.2%	0.00	0.04	-97.3%
Chi phí TC	3.69	4.25	-13.2%	11.7	13.1	-10.9%
Chi phí lãi vay	3.69	4.25	-13.2%	11.7	13.1	-10.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.86	0.82	4.8%	2.79	4.27	-34.7%
LN thuần từ HĐKD	2.72	1.44	89.0%	20.5	11.7	75.9%
Lợi nhuận khác	0.02	0.03	-20.4%	-0.05	-0.09	47.6%
LN trước thuế	2.74	1.47	86.7%	20.5	11.6	76.9%
Lợi nhuận sau thuế	2.74	1.47	86.7%	19.7	11.0	78.9%
LNST của CĐ cty mẹ	2.74	1.47	86.7%	19.7	11.0	78.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.21	5.40	12.1	14.3	6.32	13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.03	0.01	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.93	-11.2	-13.3	-15.0	-7.16	-11.3
Tiền đầu kỳ	7.42	8.71	2.91	1.77	1.01	0.16
Lưu chuyển tiền thuần	1.29	-5.80	-1.13	-0.77	-0.84	2.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.71	2.91	1.77	1.01	0.16	2.26

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	372	384	-3.2%
Tài sản ngắn hạn	13.2	11.9	10.3%
Tiền và tương đương tiền	2.26	1.77	27.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.64	8.06	7.2%
Hàng tồn kho	2.24	2.09	7.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	359	372	-3.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	351	366	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.05	6.27	12.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	193	211	-8.8%
Nợ ngắn hạn	70.5	70.8	-0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.4	64.3	-15.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.32	0.19	598%
Nợ dài hạn	122	140	-13.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	122	140	-13.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	179	173	3.5%
Vốn chủ sở hữu	179	173	3.5%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

